

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

SẢN PHẨM: JI JI NƯỚC MẮM 100% TỰ NHIÊN
ĐỘ NHẤT 15° ĐẠM

SỐ TCB: 03/JIJI/2025



Ninh Hải, tháng 5 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ TCB:03/JIJI/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thực phẩm và Gia vị JI JI Ninh Thuận.

Địa chỉ: Thôn Khánh Hội, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Điện Thoại: 0859131185. Fax:

E-mail: Nuocmamjiji@gmail.com.

Mã số: 4500663475

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018.

Cấp ngày: 28/11/2024.

Nơi cấp: Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO.

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **JI JI NƯỚC MẮM 100% TỰ NHIÊN ĐỆ NHẤT 15⁰ ĐẠM**

2. Thành phần: Nước mắm nguyên chất 95%, nước dừa 5%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách bao gói: Thê tích thực 200 ml/chai (4 chai/thùng; 6 chai/thùng), 500ml/chai (2 chai/thùng; chai/thùng), 650 ml/chai (2 chai/thùng; 4 chai/thùng), 1lít/chai (6 chai/thùng)...

- Chất liệu bao bì: Chai thủy tinh, chai PET, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

TCVN 5107: 2018 Nước mắm;

350036
CƠ
T
LƯC PH
J
NIN
TRI HAI

QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;

Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

I. Các chỉ tiêu cảm quan: Theo TCVN 5107: 2018 Nước mắm.

TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố
01	Màu sắc	Từ nâu vàng đến nâu đậm, đặc trưng cho sản phẩm
02	Độ trong	Trong, không vẩn đục, không lắng cặn ngoại trừ các tinh thể muối (có thể có)
04	Mùi	Mùi đặc trưng của sản phẩm nước mắm, không có mùi lạ
03	Vị	Ngọt của đạm cá thủy phân, có hậu vị, có vị mặn nhưng không mặn chát
05	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	Không được có

2. Các chỉ tiêu hoá lý : Theo TCVN 5107: 2018 Nước mắm.

TT	Tên chỉ tiêu	Mức
1	Hàm lượng nitơ tổng số, tính bằng g/l, không nhỏ hơn	15
2	Hàm lượng nitơ axit amin, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số, không nhỏ hơn	45
3	Hàm lượng nitơ amoniac, tính bằng % so với hàm lượng nitơ tổng số, không lớn hơn	30
4	Độ pH	Từ 4,5 đến 6,5
5	Hàm lượng muối, biểu thị theo natri clorua, tính bằng g/l, không nhỏ hơn	200

3. Các chỉ tiêu kim loại nặng: QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa (mg/kg)
01	Arsen (As) (Arsen vô cơ)	1,0
02	Chì (Pb)	2,0
03	Cadimi (Cd)	1,0

04	Thủy ngân (Hg)	0,05
----	----------------	------

4. Chỉ tiêu vi sinh vật: Tự công bố của Công ty

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa (CFU/g)
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	10^4
02	Coliforms	10^2
03	E.coli	Không có
04	S.aureus	3
05	Cl.perjringens	10
06	Salmonella	Không có
07	Vibrio parahaemolyticus	10

5. Các chỉ tiêu thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng: Thực hiện theo Thông tư 29/2023/TT-BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Trung bình trong 100ml
01	Chất béo	0,10 g
02	Năng lượng	71,4 kcal
03	Chất đạm (protein)	9,49 g
04	Carbohydrat	8,1 g
05	Natri (Na)	8.947 mg

về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ninh Hải, ngày 31 tháng 5 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Anh

CAM KẾT

1. KHÔNG PHỤ GIA, ĐIỀU VỊ
2. KHÔNG MÀU THỰC PHẨM
3. KHÔNG HƯƠNG LIỆU
4. KHÔNG CHẤT BẢO QUẢN
5. KHÔNG ĐẠM TỔNG HỢP

Sản xuất theo phương pháp ủ chượp truyền thống từ nguyên liệu tự nhiên: *Cá cơm tươi, muối biển.*

SÁNG CHẾ MỚI - ĐÃ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ ĐỘC QUYỀN

- Dùng nước ép dưa tươi để làm mềm vị, giảm mặn, thơm ngon mà vẫn giữ được nguyên hương vị tự nhiên của nước mắm truyền thống

Sản xuất và đóng chai tại:

Công ty TNHH Thực phẩm và gia vị Jiji Ninh Thuận
Thôn Khánh Hội, xã Trí Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận



Thể tích thực:

650 ml

Sản xuất tại Việt Nam

Jiji

NƯỚC MẮM



100% TỰ NHIÊN

Độc nhất

🔥 15° đậm

CHỈ TIÊU THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG GIA TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100ml	
Năng lượng (Energy)	71,4 kcal
Chất đạm (Protein)	9,49 g
Carbohydrat	8,1 g
Chất béo (Fat)	0,10 g
Natri (Sodium)	8,947 mg

Bảo quản:

Đậy nắp kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.

Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng hàng đã hết hạn, hàng có dấu hiệu hư hỏng.

CBCI số: 03/JJJ/2025

CN HTQL ATP theo TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018

🌐 jijininhtuan.com

HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất



Thành phần: Nước mắm nguyên chất (95%), nước ép dưa tươi (5%).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Hàm lượng nitơ tổng số (g/l) ≥ 15
- Hàm lượng nitơ axit amin (%) ≥ 45

Hướng dẫn sử dụng: Nên sử dụng nguyên chất, hoặc dùng làm gia vị nấu ăn.



23x11.5cm decan ko cán



I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ GIA VỊ JI JI NINH THUẬN
Address (Địa chỉ) : Thôn Khánh Hội, Xã Tri Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận,
Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU KIỂM NGHIỆM:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : S14173002
Information provided by applicant : JIJI NƯỚC MẮM 100% TỰ NHIÊN ĐỆ NHẤT 15° ĐẠM
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu chứa trong chai nhựa
Seal No (Số niêm) : Không niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 03/05/2025
Sample tested on (Ngày phân tích) : 03/05/2025
Report date (Ngày trả kết quả) : 08/05/2025

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Test parameter is sent to subcontractor accredited by LAB / Chi tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi Phòng kiểm nghiệm.
- ⁽¹⁾ Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025.
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- ⁽³⁾ Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương.
- ⁽⁴⁾ Parameter is designated by Ministry of Health / Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế.
- ⁽⁵⁾ Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chi tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng.
ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện
< LOQ: The analyte can be detected but not quantification/ Phát hiện chất phân tích nhưng không định lượng.
- For microbiological tests, a result of "< 10 CFU/g, <10 CFU/swab (sample)" indicates that no colonies were observed on the plate after plating 1 mL of the sample suspension diluted to a 10⁻¹ concentration/ Đối với các chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả thể hiện "<10 CFU/g, <10 CFU/swab (mẫu)" không phát hiện thấy khuẩn lạc trên đĩa thạch, khi thực hiện cấy 1ml huyền phù của mẫu pha loãng đến nồng độ 10⁻¹.
- For microbiological tests, The method resulted in "No detection" of bacterial colonies on the agar plate, when 1ml of a suspension of the diluted sample at concentration of 10⁻¹ is inoculated / Đối với các chỉ tiêu phân tích vi sinh, phương pháp có kết quả được thể hiện "Không phát hiện" khuẩn lạc trên đĩa thạch, khi thực hiện cấy 1ml dịch huyền phù của mẫu pha loãng ở nồng độ 10⁻¹.
- Test result(s) are valid on the tested sample(s). It is issued under our Terms and Conditions. Sci-Tech only resolves complaints about analytical results within 7 days from the date of reporting./
Kết quả kiểm nghiệm có giá trị trên mẫu đã kiểm. Kết quả này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của công ty. Sci-Tech chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong 7 ngày từ ngày trả kết quả.
- The test result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Sci-Tech is granted./
Kết quả này không được sao chép, một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện Sci-Tech.

Authorized Technical Representative**Phụ trách kỹ thuật****NGUYỄN VĂN ĐẠO****VŨ ĐỨC HẢI****CÔNG TY CỔ PHẦN SCI-TECH**

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0931.004.818

Email: info@sci-techvn.com

Website: sci-techvn.com

Form code/ Mã biểu mẫu: QA.PR-0020/FO-01

LBH: [01]

NHL: 23/11/2023

Page/ Trang: 1/3

TEST REPORT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



Code/ Mã mẫu:

S14173002/1

No./ STT	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
1	Sodium chloride (NaCl) ⁽¹⁾	TCVN 3701:2009	g/L	1.7	283.7
2	pH ⁽¹⁾	AOAC 981.12	-	-	5.32
3	Nitơ amoniac ⁽¹⁾	TCVN 3706:1990	% (so với hàm lượng nitơ tổng số)	-	10.5
4	Nitơ acid amin ⁽¹⁾	TCVN 3708:1990	% (so với hàm lượng nitơ tổng số)	-	56.2
5	Nitơ tổng ⁽¹⁾	TCVN 3705:1990	g/L	3.3	15.2
6	Cảm quan (Độ trong) ^(*)	TCVN 5107: 2018	-	-	Trong, không vẩn đục, không lắng cặn
7	Cảm quan (Tập chất nhìn thấy bằng mắt thường) ^(*)	TCVN 5107: 2018	-	-	Không có tạp chất
8	Cảm quan (mùi) ⁽¹⁾	TCVN 5277:1990	-	-	Mùi thơm đặc trưng cho sản phẩm, không có mùi lạ
9	Cảm quan (vị) ⁽¹⁾	TCVN 5277:1990	-	-	Ngọt của đậm cá thủy phân, có hậu vị nhưng không mặn chát
10	Cảm quan (màu sắc) ⁽¹⁾	TCVN 5277:1990	-	-	Màu nâu đặc trưng cho sản phẩm
11	Chất béo ⁽¹⁾	CH.TM-0252 (Ref. FAO 14/7:1986, p.214- 219)	g/100ml	0.03	0.10
12	Năng lượng ⁽¹⁾	FAO Food Energy 02:2003	kcal/100ml	1.0	71.4
13	Protein ⁽¹⁾	CH.TM-0255 (Ref. FAO 14/7:1986, p.221- 223)	g/100ml	0.10	9.49
14	Carbohydrate ⁽¹⁾	FAO Food Energy 02:2003	g/100ml	0.3	8.1
15	Định lượng vi sinh vật (TPC) ở 30°C ⁽¹⁾	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022	CFU/ml	-	<1
16	Phát hiện Salmonella spp. ⁽¹⁾	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	Phát hiện/25ml	eLOD50 = 3 CFU/25ml	ND
17	Định lượng Coliforms ⁽¹⁾	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	CFU/ml	-	<1
18	Định lượng E. coli dương tính β-glucuronidase ⁽¹⁾	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	CFU/ml	-	<1
19	Định lượng Staphylococcus aureus ⁽¹⁾	AOAC 975.55	CFU/ml	-	<1
20	Định lượng Vibrio parahaemolyticus ⁽¹⁾	NMKL 156: 1997	CFU/ml	-	<1
21	Định lượng Clostridium perfringens ⁽¹⁾	ISO 15213-2:2023	CFU/ml	-	<1

TEST REPORT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Code/ Mã mẫu:

S14173002/1

No./ STT	Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
22	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾	AOAC 971.21	mg/L	0.013	ND
23	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/L	0.002	0.009
24	Chì (Pb) ⁽¹⁾	AOAC 999.11	mg/L	0.02	ND
25	Asen vô cơ (iAs) ⁽¹⁾	CH.TM-2006 (Ref. EN 16278:2012)	mg/L	0.07	ND
26	Natri (Na) ⁽¹⁾	TCVN 10916:2015	mg/100ml	0.2	8 947

NUTRITION FACTS	
Servings Per Container	
Serving Size	(100mL)
Amount Per Serving	
Calories	71.4kcal(299kJ)
	%Daily Value *
Total Fat 0.10g	0.2%
Sodium 8 947mg	447.4%
Total Carbohydrate 8.1g	2.49%
Protein 9.49g	19.0%
*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice	



11785 - C.I.C.P. 3 TY HÂN ECH HỒ CHÍ MINH

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4500663475

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 10 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ GIA VỊ JI JI NINH THUẬN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Khánh Hội, Xã Tri Hải, Huyện Ninh Hải, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0918187199

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 4.500.000.000 đồng.

Bang chữ: Bốn tỷ năm trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM MINH TRĂNG	Việt Nam	Số 160 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.250.000.000	50,000	001181022815	

2	ĐỖ MINH PHƯƠNG	Việt Nam	Số 160 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.250.000.000	50,000	017076000128	
---	----------------	----------	---	---------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐỖ MINH ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/07/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

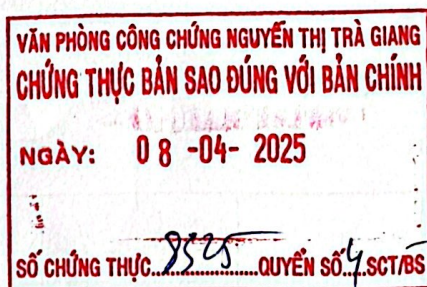
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001300000844

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 160 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 160 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Trương Thị Tố Hương



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Quang Vinh

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của
Certification of food safe management system of:

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ GIA VỊ JI JI NINH THUẬN

Địa chỉ trụ sở/ Office address:

Thôn Khánh Hội, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận/
Khanh Hoi hamlet, Tri Hai commune, Ninh Hai district, Ninh Thuan province

Địa chỉ sản xuất/ Production address:

Thôn Khánh Hội, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận/
Khanh Hoi hamlet, Tri Hai commune, Ninh Hai district, Ninh Thuan province

cho lĩnh vực hoạt động/ for the following activities:

Sản xuất và kinh doanh nước mắm/
Production and trading of fish sauce

được đánh giá và phù hợp tiêu chuẩn/

has been assessed and found to conform to the requirements of the following standard:

TCVN ISO 22000:2018/ ISO 22000:2018

và được phép sử dụng dấu chứng nhận/ and approved to bear certification mark:

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực 961..... quyển số 01.....SCT/BS



Ngày 12 tháng 12 năm 2021

PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thành Tâm

TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director



DINH HOANG THIEN

Số chứng nhận/ Certificate No.: 30/CN-TĐC-HT-58-0001
Ngày cấp chứng nhận/ Date of issue: 28/11/2024
Ngày hết hạn chứng nhận/ Expiry date: 27/11/2027



NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tân Bình Industrial Park, Tân Phú district, HCM city.
- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com